

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

---

**TRIỂN VỌNG XUẤT KHẨU TRÁI MÍT CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG  
THUỘC VÙNG NÚI, VÙNG SÂU, VÙNG XA, HẢI ĐẢO**

**Năm 2023**

# MỤC LỤC

|                                                                                                                                                           |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| DANH MỤC BIỂU ĐỒ, BẢNG.....                                                                                                                               | 3         |
| <b>I. Đặc điểm của trái mít .....</b>                                                                                                                     | <b>4</b>  |
| <b>II. Tình hình xuất khẩu mít và sản phẩm chế biến mít của Việt Nam trong 10 tháng năm 2023 .....</b>                                                    | <b>9</b>  |
| 2.1 Kim ngạch xuất khẩu mít và sản phẩm chế biến từ mít.....                                                                                              | 9         |
| 2.2 Chứng loại mít xuất khẩu .....                                                                                                                        | 10        |
| 2.3 Giá xuất khẩu bình quân mít .....                                                                                                                     | 11        |
| 2.4 Thị trường xuất khẩu trái mít và sản phẩm chế biến từ trái mít của Việt Nam trong 10 tháng năm 2023 .....                                             | 12        |
| <b>III. Triển vọng xuất khẩu trái mít và sản phẩm chế biến từ trái mít của Việt Nam trong thời gian tới .....</b>                                         | <b>14</b> |
| 3.1 Dung lượng thị trường nhập khẩu mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) của Australia .....                                                       | 14        |
| 3.1.1 Lượng và trị giá nhập khẩu mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) của Australia .....                                                          | 15        |
| 3.1.2 Diễn biến giá NKBQ mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm mít) của Australia.....                                                                        | 16        |
| 3.1.3 Cơ cấu nguồn cung mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) cho Australia.....                                                                    | 16        |
| 3.2 Dự báo xuất khẩu mít và sản phẩm chế biến từ mít của Việt Nam trong thời gian tới .....                                                               | 19        |
| 3.3 MỘT SỐ QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI TRÁI MÍT .....                                                                                                                | 22        |
| 3.3.1 QUY ĐỊNH CHUNG.....                                                                                                                                 | 22        |
| 3.3.2QUY ĐỊNH CỦA THỊ TRƯỜNG AUSTRALIA ĐỐI VỚI TRÁI MÍT ĐÔNG LẠNH.....                                                                                    | 26        |
| 3.3.3 QUY ĐỊNH CỦA THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI TRÁI MÍT TƯƠI.....                                                                                       | 28        |
| 3.3.3.1 CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI MÍT CỦA TRUNG QUỐC .....                                                                                                    | 28        |
| 3.3.3.2 CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÁC BIỆN PHÁP VỆ SINH, KIỂM DỊCH THỰC VẬT, CÁC CHỨNG CHỈ CẦN THIẾT KHI XUẤT KHẨU MÍT TỪ VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC ..... | 30        |

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ, BẢNG

### Biểu đồ

|                                                                                                                                   |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu trái mít và sản phẩm chế biến từ trái mít của Việt Nam qua các tháng năm 2022 – 2023 .....</b>  | <b>10</b> |
| <b>Biểu đồ 2: Australia nhập khẩu mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) từ thế giới qua các tháng năm 2022 – 2023 .....</b> | <b>15</b> |
| <b>Biểu đồ 3: Diễn biến giá NKBQ mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm mít) của Australia qua các tháng năm 2022 – 2023 .....</b>     | <b>16</b> |

### Bảng

|                                                                                                                                                  |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Bảng 1: Chứng loại mít của Việt Nam xuất khẩu trong 10 tháng đầu năm 2023 .....</b>                                                           | <b>11</b> |
| <b>Bảng 2: Chứng loại mít của Việt Nam xuất khẩu trong 10 tháng đầu năm 2023 .....</b>                                                           | <b>12</b> |
| <b>Bảng 3: Thị trường xuất khẩu trái mít và sản phẩm chế biến từ trái mít trong 10 tháng năm 2023 .....</b>                                      | <b>13</b> |
| <b>Bảng 4: Nguồn cung mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) cho Australia trong 9 tháng đầu năm 2023.....</b>                              | <b>17</b> |
| <b>Bảng 5: Thị phần mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Australia trong 9 tháng năm 2023 .....</b> | <b>18</b> |

## **I. Đặc điểm của trái mít**

Mít là cây ăn quả lâu đời được trồng ở Việt Nam. Bên cạnh mùi vị thơm ngon, mít cũng mang đến nhiều công dụng khác nhau cho cơ thể con người. Chính vì vậy, mít ngày càng được người tiêu dùng trong và ngoài nước ưa chuộng.

Chủng loại mít cũng rất đa dạng, gồm: mít Thái, mít nghệ, mít Tố Nữ,... cho tới các loại mít lạ như mít khổng lồ, mít siêu dài, không múi,... Bên cạnh việc tiêu thụ mít, các sản phẩm từ mít cũng mang lại giá trị kinh tế cao. Đơn cử như: hạt chiếm 10 - 15% trái mít và chứa nhiều tinh bột, protein. Hạt mít dài 2 - 3 cm, đường kính 1 - 2 cm và mỗi quả chứa 100 đến 500 hạt. Hạt mít có thể được sử dụng làm thực phẩm và cũng là nguyên liệu để chế biến các sản phẩm khác nhau như bánh mì, bánh bông lan... Ngoài tinh bột và protein dồi dào, hạt mít còn chứa lignans, isoflavone, saponin... có lợi cho sức khỏe như chống ung thư, chống lão hóa và chất chống oxy hóa. Đặc biệt, một số nghiên cứu cho thấy rằng hạt mít còn chứa một lượng đáng kể tinh bột kháng tiêu hóa (Kittipongpatana & Kittipongpatana).

Trong công nghệ chế biến thực phẩm, các tính chất của tinh bột ảnh hưởng nhiều đến chất lượng cảm quan và giá trị dinh dưỡng của sản phẩm. Tinh bột còn đóng vai trò là chất làm dày, tạo gel và tạo màng để tạo ra một số sản phẩm đặc trưng như bánh, kẹo, nước sốt... (Gebre-Mariam et al., 1996; Noor et al., 2014). Hơn nữa, có nhiều nhà khoa học đã chứng minh tinh bột từ hạt mít chứa hàm lượng tinh bột kháng tiêu hóa khá cao và có lợi cho những đối tượng sử dụng kiêng tinh bột tiêu hóa như bệnh tiểu đường hay béo phì (Nugent, 2005). Tuy nhiên ở Việt Nam hiện nay, nguồn hạt mít chỉ được xem là sản phẩm phụ có giá trị thấp hoặc là chất thải trong công nghiệp chế biến, các đề xuất thu nhận và chiết tách tinh bột từ hạt mít chưa thật sự được quan tâm nghiên cứu và sử dụng nhiều. Chính vì vậy việc thu nhận tinh bột hạt mít có hàm lượng tinh bột kháng tiêu hóa cao ứng dụng trong chế biến thực phẩm có lợi cho sức khỏe là rất cần thiết. Đồng thời

tạo ra giá trị tăng thêm cho các phụ phẩm của ngành công nghiệp chế biến rau quả, giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường do các phụ phẩm này gây ra.

Từ nguyên liệu là phụ phẩm trong tiêu dùng và sản xuất công nghiệp cho thấy nguồn tinh bột dồi dào được thu nhận từ hạt mít có tiềm năng mới trong thương mại, với lượng tinh bột kháng tiêu hóa, amylose và protein tương đối cao. Khả năng trương nở, độ gel của tinh bột khá tốt do đó đây là nguồn tinh bột có thể bổ sung hoặc thay thế trong chế biến các sản phẩm thực phẩm giàu tinh bột mà không ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng hạn chế tinh bột.

Mít không chỉ là loại trái cây tốt cho sức khỏe mà còn là sản phẩm mang lại giá trị kinh tế cao. Do đó, cây mít được trồng khắp 3 miền ở Việt Nam.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, diện tích trồng mít của cả nước tăng thêm 16.881ha vào năm 2020, nâng tổng diện tích trồng mít (chủ yếu là mít Thái) lên 58.511ha. Trong đó, mít được trồng chủ yếu tại các tỉnh Tiền Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Long An, khu vực Tây Nguyên (Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng) ...

Điều kiện thổ nhưỡng khí hậu tại nhiều vùng của Việt Nam phù hợp phát triển cây mít, đặc biệt là mít Thái (loại quả mang lại giá trị kinh tế cao). Cây mít thái vốn là một loại cây ăn quả nhiệt đới. Chúng sinh trưởng và phát triển tốt nhất ở những môi trường có mức nhiệt độ cao, khoảng từ 21 – 30°C. Bộ rễ của mít ăn sâu xuống đất nên khả năng chịu hạn khá tốt, trong khoảng 2 – 4 tháng.

Do đó, tiềm năng phát triển cây mít rất lớn, đặc biệt đối với các địa phương thuộc vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Bởi mít thái có thể được trồng trên nhiều loại đất khác nhau, điển hình như đất đỏ bazan, đất xám, đất ở các vùng đồi núi,... Điều kiện tiên quyết là các loại đất phải có khả năng thoát nước tốt vì cây mít không chịu được ngập úng. Trong tình trạng úng nước, cây mít rất dễ bị sâu bệnh và ảnh hưởng đến chất lượng chất lượng quả khi thu hoạch.

Cây mít cho quả rải vụ quanh năm, song vụ chính ở khu vực phía Nam vào khoảng tháng 6, 7. Thời gian từ lúc ra hoa đến lúc quả già khoảng 5 tháng, khi thu hoạch cần căn cứ vào màu sắc quả. Mít có thể để trong 6 tuần ở nhiệt độ 11 – 13°C và ở điều kiện bình thường để được 7 – 10 ngày.

Với quan điểm phát triển cây ăn quả trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế các vùng sinh thái; nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm; bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ký ban hành Quyết định phê duyệt Đề án Phát triển cây ăn quả chủ lực đến năm 2025 và 2030 (gọi tắt là Đề án).

Đề án xác định mục tiêu chung là: Phát triển bền vững cây ăn quả chủ lực; góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, tăng giá trị xuất khẩu, thúc đẩy cơ cấu lại ngành nông nghiệp ổn định đời sống nhân dân, phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh khu vực nông thôn.

Định hướng phát triển cây mít đến năm 2030: Ổn định diện tích khoảng 50 ngàn ha, sản lượng 600-700 ngàn tấn. Các tỉnh sản xuất mít trọng điểm: Tây Nguyên (Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai), Đông Nam Bộ (Đồng Nai, Bình Phước, Tây Ninh), đồng bằng sông Cửu Long (Tiền Giang, Vĩnh Long, Long An, Đồng Tháp, Hậu Giang).

Tây Nguyên hay vùng cao nguyên Nam Trung Bộ, bao gồm nhiều tỉnh với địa hình cao, gồm: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Điều kiện khí hậu thổ nhưỡng khu vực Tây Nguyên phù hợp phát triển nhiều loại trái cây ăn quả, trong đó có cây mít. Những năm gần đây, cây mít mang lại giá trị kinh tế cao, giúp người dân khu vực Tây Nguyên xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, mít được trồng chủ yếu ở các vùng đất bạc màu tại các huyện Buôn Đôn, Eo Súp, Krông Pắc, Krông Búk ... Trong đó, 02 huyện gồm Buôn Đôn và Eo Súp nằm trong danh mục địa bàn ưu tiên thực hiện chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 – 2020.

Thời gian qua, cây mít Thái siêu sớm đã mang lại giá trị kinh tế cao cho người dân trồng mít tỉnh Đắk Lắk, đặc biệt là người dân tại các địa phương của huyện Buôn Đôn, Ea Súp ... Nhiều gia đình sở hữu một diện tích lớn loại cây ăn quả này và mỗi năm mang lại thu nhập lên đến hàng trăm triệu đồng.

Mít thái siêu sớm là loại cây có đặc tính dễ chăm sóc, phù hợp với nhiều loại đất, kể cả đất xám bạc màu, đất cằn cỗi, là loại cây cho trái rất sớm, chỉ 12-15 tháng sau khi trồng. Bình quân một quả nặng từ 5 đến 15kg. Mỗi năm mít thái siêu sớm cho thu hoạch khoảng 2 vụ chính, trong khi việc chăm sóc loại cây này cũng dễ dàng hơn các loại cây khác.

Tại huyện Buôn Đôn, sản phẩm mít thái siêu sớm sau khi thu mua tại vườn được đưa đi tiêu thụ trong các siêu thị trong nước, các nhà máy chế biến mít sấy, đặc biệt là xuất khẩu sang Trung Quốc. Năm nay, giá mít thái tăng mạnh, loại 1 là 40.000 đồng/kg, loại 2 là 35.000/kg, loại 3 là 20.000 đồng/kg.

Nhờ hiệu quả kinh tế mang lại, nhiều hộ nông dân trên địa bàn các huyện vùng núi, vùng sâu, vùng xa của huyện Buôn Đôn đã mạnh dạn chuyển đổi những diện tích đất đồi cằn cỗi sang trồng mít để tạo nên một vùng sản xuất tập trung, cùng hỗ trợ nhau phát triển kinh tế, xây dựng sản phẩm thế mạnh cho địa phương.

Để nâng cao giá trị và tạo lợi thế cạnh tranh cho trái mít, Trung tâm Khuyến nông –Giống cây trồng vật nuôi và Thủy sản tỉnh Đắk Lắk đã phối hợp với Trạm khuyến nông huyện Buôn Đôn tổ chức 01 lớp đào tạo ngoài mô hình cho các hộ sản xuất mít trên địa bàn huyện trong khuôn khổ của dự án “Xây dựng mô hình sản xuất cây ăn quả theo VietGAP phục vụ phát triển vùng nguyên liệu gắn với liên kết tiêu thụ tại một số tỉnh Tây Nguyên”.

Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, diện tích trồng mít gần 2.600 ha; trong đó trồng chuyên canh hơn 700 ha, trồng xen canh gần 1.900 ha và năng suất bình quân từ 10 – 15 tấn/ha. Cây mít dễ trồng, ít sâu bệnh, chi phí chăm sóc chỉ bằng 1/3 các loại cây lâu năm

khác và với giá mít ổn định như nhiều năm qua, mỗi hécta cho thu hoạch từ 300 – 500 triệu đồng/năm.

Với đặc điểm địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng thuận lợi hơn so với các tỉnh khác, nhiều giống mít ở Đắc Nông cho trái gần như quanh năm (từ tháng 1 đến tháng 11), năng suất cao như mít Cuba, mít 034, mít Booth, mít Hass, mít sáp,... Quả mít Đắc Nông cho trái to, dẻo, màu vàng sậm, mẫu mã đẹp hơn so với mít các địa phương khác nên được người tiêu dùng ưa chuộng.

Trước việc quả mít có thể trở thành thế mạnh xuất khẩu và thâm nhập các thị trường khó tính cần có sự liên kết chặt chẽ giữa các vùng trồng, người nông dân và các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản. Ngoài ra, Việt Nam cần tìm kiếm và tuyển chọn những giống cây mít ngon, chất lượng, năng suất cao, đặc biệt có chiến lược quảng bá tiếp thị hiệu quả.

Tại huyện Cư Jút, nhằm nâng cao ý thức cho bà con nông dân trong việc thực hiện tốt các quy định mới của Nhà nước về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, cũng như khuyến khích nông dân và người tiêu dùng quan tâm hơn nữa đến truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nhất là truy xuất các sản phẩm thuộc lĩnh vực nông nghiệp. Thời gian qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cư Jút đã phối hợp với Công ty Cổ phần F9- TP BMT thực hiện dự án VFGAP- một ứng dụng giúp cho người sản xuất và tiêu dùng có thể dễ dàng truy xuất nguồn gốc sản phẩm một cách chi tiết, chính xác, minh bạch chỉ thông qua một bước quét mã QR. Theo đó, Công ty Cổ phần F9 đã trao tặng hợp tác cây trồng xã Đăk D'Rông gần 2 ngàn tem truy xuất nguồn gốc để gắn lên sản phẩm mít.

Việc dán tem truy xuất nguồn gốc lên sản phẩm sẽ mang lại những lợi ích thiết thực cho cả người sản xuất và người tiêu dùng. Không chỉ mang lại lợi ích kinh tế cho người sản xuất, việc áp dụng truy xuất nguồn gốc nông sản an toàn còn mang lại hiệu quả kinh tế – xã hội; thắt chặt mối liên kết, tương tác đa chiều giữa 4 nhà “Nhà quản lý, doanh nghiệp, người sản xuất, người tiêu thụ”.

Việc áp dụng tiêu chuẩn VietGAP chính là bằng chứng để khẳng định tên tuổi của các sản phẩm nông nghiệp, đồng thời mang lại lợi ích kép khi gắn tem truy xuất nguồn gốc. Áp dụng VietGAP làm thay đổi tập quán sản xuất hiện nay, xã hội giảm bớt được chi phí y tế, người dân được sử dụng sản phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm nghĩa là đã nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng và đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội.

Thời gian tới, tỉnh Đắk Nông tiếp tục định hướng và quy hoạch vùng trồng mít chuyên canh và giảm dần diện tích trồng xen canh, tự phát trong rẫy. Do đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã làm việc với 66 hộ có hơn 700ha trồng chuyên canh, hướng đến trồng theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP để hướng đến xuất khẩu sang Trung Quốc và nhiều thị trường tiềm năng khác.

Theo các chuyên gia kinh tế, trái mít Việt Nam không thua kém cả về chất lượng lẫn sản lượng so với các nước xuất khẩu mít lớn của thế giới. Mặc dù có nhiều dư địa để phát triển song câu chuyện xuất khẩu cho trái mít tại Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc cần được tháo gỡ càng sớm càng tốt để đảm bảo hiệu quả sản lượng đầu ra.

## **II. Tình hình xuất khẩu mít và sản phẩm chế biến mít của Việt Nam trong 10 tháng năm 2023**

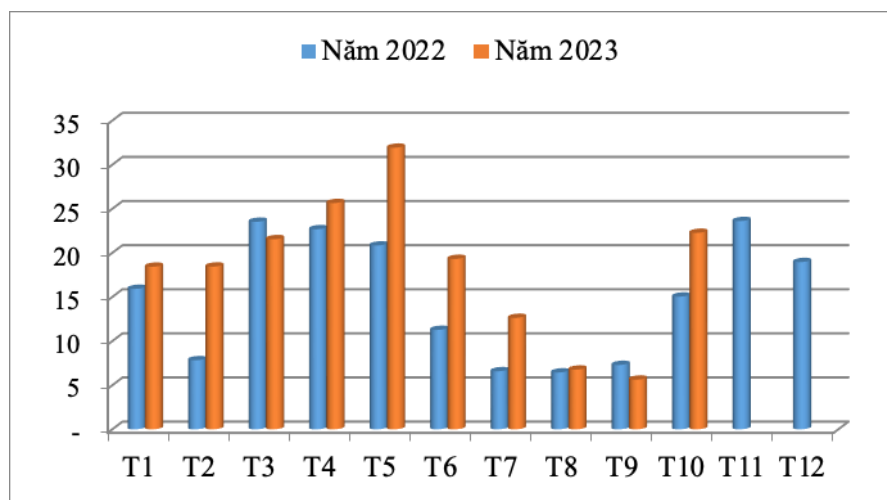
### **2.1 Kim ngạch xuất khẩu mít và sản phẩm chế biến từ mít**

Mít là một trong những loại trái cây xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Tăng trưởng xuất khẩu trái mít và sản phẩm chế biến từ mít sẽ tác động tích cực lên hoạt động xuất khẩu của toàn ngành rau quả nước ta.

Theo số liệu tính toán từ Tổng cục Hải quan, 10 tháng năm 2023, Việt Nam xuất khẩu trái mít và sản phẩm chế biến từ trái mít ra thế giới đạt 182,63 triệu USD, tăng 32,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính riêng tháng 10/2023, kim ngạch xuất khẩu trái

mít và sản phẩm chế biến từ trái mít của Việt Nam đạt 22,27 triệu USD, tăng 295,4% so với tháng trước và tăng 48,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu trái mít và sản phẩm chế biến từ trái mít của Việt Nam qua các tháng năm 2022 – 2023 (ĐVT: Triệu USD)**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

## 2.2 Chứng loại mít xuất khẩu

10 tháng năm 2023, Việt Nam xuất khẩu chủ yếu mít tươi, kim ngạch đạt 163,47 triệu USD, tăng 37,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính riêng tháng 10/2023, kim ngạch xuất khẩu mít tươi đạt 20,31 triệu USD, tăng 393,6% so với tháng trước và tăng 48,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tiếp theo là mít sấy, kim ngạch xuất khẩu trong 10 tháng đầu năm 2023 đạt 14,59 triệu USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính riêng tháng 10/2023, kim ngạch xuất khẩu mít sấy của nước ta đạt 1,52 triệu USD, tăng 31% so với tháng trước và tăng 33,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

10 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu mít đông lạnh đạt 4,54 triệu USD, giảm 15,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên tính riêng tháng 10/2023, kim ngạch xuất khẩu mít đông lạnh đạt 439 nghìn USD, tăng 23,4% so với tháng trước và tăng 79,4% so với cùng kỳ năm 2022.

**Bảng 1: Chủng loại mít của Việt Nam xuất khẩu trong 10 tháng đầu năm 2023**

| Chủng loại          | 10 tháng năm 2023<br>(Nghìn USD) | So với cùng kỳ năm ngoái<br>(%) | Tháng 10/2023<br>(Nghìn USD) | So với tháng 9/2023 (%) | So với tháng 10/2022 (%) |
|---------------------|----------------------------------|---------------------------------|------------------------------|-------------------------|--------------------------|
| <b>Tổng</b>         | <b>182.630</b>                   | <b>32,9</b>                     | <b>22.275</b>                | <b>295,4</b>            | <b>48,1</b>              |
| Mít tươi            | 163.474                          | 37,8                            | 20.313                       | 393,6                   | 48,8                     |
| Mít sấy             | 14.593                           | 11,6                            | 1.523                        | 31,0                    | 33,1                     |
| Mít đông lạnh       | 4.546                            | -15,8                           | 439                          | 23,4                    | 79,4                     |
| Mít ngâm nước đường | 17                               | -50,0                           | -                            |                         |                          |

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

### **2.3 Giá xuất khẩu bình quân mít**

Giá xuất khẩu bình quân mít các loại trong 10 tháng năm 2023 đạt mức 477,4 USD/tấn, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm 2022. Tính riêng tháng 10/2023, giá xuất khẩu bình quân mít các loại đạt mức 443,2 USD/tấn, giảm 19,6% so với tháng trước, nhưng tăng 50,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó:

Giá xuất khẩu bình quân mít tươi trong 10 tháng năm 2023 đạt mức 430,7 USD/tấn, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính riêng tháng 10/2023, giá xuất khẩu bình quân mít tươi đạt mức 406,4 USD/tấn, giảm 1,0% so với tháng trước, nhưng tăng 51,1% so với tháng 10/2022.

Giá xuất khẩu bình quân mít đông lạnh trong 10 tháng năm 2023 đạt mức 2.356,3 USD/tấn, tăng 7,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính riêng tháng 10/2023, giá xuất khẩu bình quân mít đông lạnh đạt mức 3.115,1 USD/tấn, giảm 26,4% so với tháng trước, nhưng tăng 48,5% so với tháng 10/2022.

Đáng chú ý, giá xuất khẩu bình quân mít sấy trong 10 tháng năm 2023 đạt mức 12.738 USD/tấn, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính riêng tháng 10/2023, giá xuất khẩu bình quân mít sấy đạt mức 9.871,4 USD/tấn, giảm 13,1% so với tháng trước, nhưng tăng 2,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Bảng 2: Giá trung bình các loại mít của Việt Nam xuất khẩu  
trong 10 tháng đầu năm 2023**

| <b>Mặt hàng</b> | <b>10 tháng năm 2023<br/>(USD/tấn)</b> | <b>So với cùng kỳ<br/>năm ngoái (%)</b> | <b>Tháng 10/2023<br/>(USD/tấn)</b> | <b>So với tháng<br/>9/2023 (%)</b> | <b>So với tháng<br/>10/2022 (%)</b> |
|-----------------|----------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>Giá TB</b>   | <b>477,4</b>                           | <b>-1,2</b>                             | <b>443,2</b>                       | <b>-19,6</b>                       | <b>50,3</b>                         |
| Mít tươi        | 430,7                                  | 1,9                                     | 406,4                              | -1,0                               | 51,1                                |
| Mít sấy         | 12.738,0                               | 15,4                                    | 9.871,4                            | -13,1                              | 2,4                                 |
| Mít đông lạnh   | 2.356,3                                | 7,7                                     | 3.115,1                            | -26,4                              | 48,5                                |

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

#### **2.4 Thị trường xuất khẩu trái mít và sản phẩm chế biến từ trái mít của Việt Nam trong 10 tháng năm 2023**

10 tháng năm 2023, thị trường xuất khẩu trái mít và sản phẩm chế biến từ trái mít của Việt Nam sang 55 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, Việt Nam xuất khẩu mít và sản phẩm từ mít chủ yếu sang các thị trường, Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Litva, Hàn Quốc ... Số liệu tính toán từ Tổng cục Hải quan cho thấy:

Trung Quốc là thị trường xuất khẩu trái mít và sản phẩm chế biến từ trái mít lớn nhất của nước ta, kim ngạch đạt xấp xỉ 172,29 triệu USD trong 10 tháng năm 2023, tỷ trọng chiếm 94,34% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước. Tính riêng tháng 10/2023, kim ngạch xuất khẩu trái mít và sản phẩm chế biến từ trái mít của Việt Nam sang Trung Quốc tăng 325,9% so với tháng trước và tăng 48,2% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt xấp xỉ 21,22 triệu USD.

Tiếp theo là Mỹ, kim ngạch xuất khẩu trái mít và sản phẩm chế biến từ trái mít của Việt Nam sang thị trường này trong 10 tháng năm 2023 đạt xấp xỉ 2,35 triệu USD, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm ngoái, tỷ trọng chiếm 1,29% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước. Tính riêng tháng 10/2023, kim ngạch xuất khẩu trái mít và sản phẩm chế biến từ trái mít của Việt Nam sang Mỹ tăng 48,4% so với tháng trước và tăng 95,4% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt xấp xỉ 193 nghìn USD.

10 tháng năm 2023, Việt Nam xuất khẩu mít các loại (dạng tươi hoặc đông lạnh) sang thị trường Nhật Bản đạt 1,69 triệu USD, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm ngoái, tỷ trọng chiếm 0,93% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước. Tính riêng tháng 10/2023, kim ngạch xuất khẩu mít các loại (dạng tươi hoặc đông lạnh) sang thị trường Nhật Bản đạt 241 nghìn USD, tăng 20,7% so với tháng trước và tăng 204,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Đáng chú ý, 10 tháng năm 2023, Việt Nam tăng mạnh xuất khẩu mít và sản phẩm chế biến từ mít sang một số thị trường, như: Litva (tăng 429%); Thái Lan (tăng 331%); Lào (tăng 108,3%); thị trường Hồng Kông (tăng 143,8%); Ấn Độ (tăng 2.295%); ... Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu mít và sản phẩm chế biến từ mít sang các thị trường trên đạt mức thấp. Do đó, các thị trường trên vẫn được coi là thị trường tiềm năng đối với doanh nghiệp xuất khẩu mít của nước ta, cần đẩy mạnh khai thác trong các năm tới.

Ngược lại, 10 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu mít các loại của Việt Nam sang nhiều thị trường giảm so với cùng kỳ năm ngoái, như: Hàn Quốc, Philippin, Australia, Hà Lan ...

**Bảng 3: Thị trường xuất khẩu trái mít và sản phẩm chế biến từ trái mít trong 10 tháng năm 2023**

| Thị trường  | 10 tháng năm 2023<br>(Nghìn USD) | So với cùng kỳ<br>năm ngoái (%) | Tháng 10/2023<br>(Nghìn USD) | So với tháng<br>9/2023 (%) | So với tháng<br>10/2022 (%) |
|-------------|----------------------------------|---------------------------------|------------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| <b>Tổng</b> | <b>182.630</b>                   | <b>32,9</b>                     | <b>22.275</b>                | <b>295,4</b>               | <b>48,1</b>                 |
| Trung Quốc  | 172.287                          | 43,3                            | 21.216                       | 325,9                      | 48,2                        |
| Mỹ          | 2.348                            | 0,5                             | 193                          | 48,4                       | 95,4                        |
| Nhật Bản    | 1.691                            | 5,2                             | 241                          | 20,7                       | 204,8                       |
| Litva       | 860                              | 429,0                           | 76                           | 106,4                      | 32,0                        |
| Hàn Quốc    | 674                              | -2,5                            | 55                           | 1,1                        | -5,0                        |
| Philippin   | 560                              | -15,3                           | 35                           | 167,2                      | -70,8                       |
| Đài Loan    | 526                              | 6,9                             | 46                           | 169,1                      | -36,3                       |
| Canada      | 510                              | 23,5                            | 60                           | 219,2                      | 335,1                       |
| Thái Lan    | 480                              | 331,0                           | 89                           | 250,1                      | 168,0                       |
| Australia   | 391                              | -10,5                           | 25                           | 64,1                       | -22,8                       |

| Thị trường          | 10 tháng năm 2023<br>(Nghìn USD) | So với cùng kỳ<br>năm ngoái (%) | Tháng 10/2023<br>(Nghìn USD) | So với tháng<br>9/2023 (%) | So với tháng<br>10/2022 (%) |
|---------------------|----------------------------------|---------------------------------|------------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| Hà Lan              | 231                              | -45,7                           | 48                           | 447,7                      | 1.282,3                     |
| Lào                 | 194                              | 108,3                           | 20                           | 89,0                       | 230,4                       |
| Hồng Kông           | 181                              | 143,8                           | 2                            | -86,4                      | -83,0                       |
| Malaysia            | 176                              | -27,7                           | 34                           | 32,3                       | 293,9                       |
| Đức                 | 155                              | -35,4                           | 13                           | 142,2                      | 2,4                         |
| Andora              | 150                              | -36,9                           | 30                           | 62,7                       | -24,8                       |
| UAE                 | 136                              | 66,5                            | 8                            | 7,3                        | 224,5                       |
| Papua New<br>Guinea | 111                              | -98,5                           | -                            |                            | -100,0                      |
| Ấn Độ               | 106                              | 2.295,0                         | 25                           | 252,7                      |                             |
| Pháp                | 101                              | 47,9                            | 10                           | 511,4                      | 73,6                        |
| Nga                 | 90                               | -51,0                           | 5                            | -32,6                      | -74,2                       |
| New Zealand         | 88                               | 35,2                            | 4                            | -67,3                      | -60,4                       |
| Anh                 | 72                               | -89,6                           | 14                           | 315,0                      | 167,2                       |
| Kazakhstan          | 63                               | 10.844,4                        | 3                            | 79,2                       |                             |
| Indonesia           | 60                               | 90,8                            | -                            |                            |                             |
| Braxin              | 58                               | 19,0                            | -                            |                            |                             |
| Na Uy               | 47                               | -30,2                           | 2                            |                            | -27,6                       |
| Italia              | 45                               |                                 | -                            |                            |                             |
| Tây Ban Nha         | 38                               | 401,6                           | 3                            | -32,5                      |                             |
| Thụy Điển           | 35                               | -4,7                            | 3                            | 200,6                      | -38,6                       |
| Singapore           | 32                               | 1,8                             | -                            | -100,0                     | -100,0                      |

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

### **III. Triển vọng xuất khẩu trái mít và sản phẩm chế biến từ trái mít của Việt Nam trong thời gian tới**

#### **3.1 Dung lượng thị trường nhập khẩu mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) của Australia**

Thị trường Australia được đánh giá còn nhiều tiềm năng để đẩy mạnh xuất khẩu các loại nông sản, trong đó có trái mít đông lạnh hoặc chế biến.

Australia là một trong những thị trường khó tính nhất thế giới với nhiều yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm cao, quy trình nhập khẩu khắt khe. Tuy nhiên, người tiêu dùng nước này có mức sống cao và sẵn sàng chi trả cho các mặt hàng hoa quả, thực

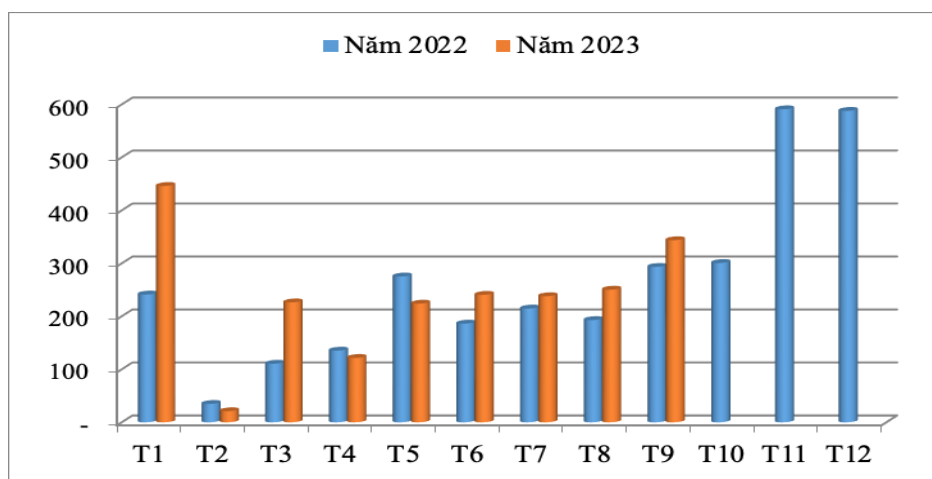
phẩm giá cao, nếu cảm thấy hài lòng với sản phẩm. Thời gian qua, các doanh nghiệp Việt Nam đã xuất khẩu được nhiều lô hàng mít đông lạnh sang thị trường Australia và nhận được đánh giá rất tích cực từ phía người tiêu dùng nước này.

Trong tuần lễ quảng bá sản phẩm trái cây đông lạnh của Việt Nam tại Australia đã nhận được phản hồi tích cực từ phía người tiêu dùng. Theo đánh giá, trái mít đông lạnh của Việt Nam vẫn giữ được độ giòn, thơm như mít tươi và rất tiện bảo quản. Đây sẽ là cơ hội để Việt Nam gia tăng thị phần cho trái mít đông lạnh tại Australia trong thời gian tới.

### **3.1.1 Lượng và trị giá nhập khẩu mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) của Australia**

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), 9 tháng đầu năm 2023, Australia nhập khẩu mặt hàng có mã HS 091090 (bao gồm trái mít) từ thế giới đạt 2.112 tấn, trị giá trên 6 triệu USD, tăng 18,3% về lượng và tăng 21,8% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Tính riêng tháng 9/2023, , Australia nhập khẩu mặt hàng có mã HS 091090 (bao gồm trái mít) từ thế giới đạt 344 tấn, trị giá xấp xỉ 1,1 triệu USD, tăng 37,3% về lượng và tăng 36,3% về trị giá so với tháng trước, so với cùng kỳ năm ngoái tăng 17,2% về lượng và tăng 9,8% về trị giá.

**Biểu đồ 2: Australia nhập khẩu mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) từ thế giới qua các tháng năm 2022 – 2023 (ĐVT: tấn)**



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

### **3.1.2 Diễn biến giá nhập khẩu bình quân mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm mít) của Australia**

Giá nhập khẩu bình quân trái mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm mít) của Australia từ thế giới trong 9 tháng đầu năm 2023 đạt mức 2.855 USD/tấn, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân trái mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm mít) của Australia từ Việt Nam đạt mức 3.434 USD/tấn, tăng 1,3%; từ Chi lê đạt 2.345 USD/tấn, tăng 21,2%; từ Trung Quốc đạt mức 4.091 USD/tấn, tăng 17,4% ...

### **Biểu đồ 3: Diễn biến giá nhập khẩu bình quân mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm mít) của Australia qua các tháng năm 2022 – 2023 (ĐVT: USD/tấn)**

*Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế*

### **3.1.3 Cơ cấu nguồn cung mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) cho Australia**

9 tháng đầu năm 2023, Australia nhập khẩu mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) từ 13 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó:

Việt Nam là nguồn cung mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) lớn nhất cho Australia trong 9 tháng đầu năm 2023, lượng đạt 1.289 tấn, trị giá 4,23 triệu USD, tăng 40,4% về lượng và tăng 42,3% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Australia chiếm 61,04% tổng lượng và chiếm 73,43% tổng kim ngạch trong 9 tháng đầu năm 2023.

9 tháng đầu năm 2023, Australia nhập khẩu mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) từ Guatemala đạt 425 tấn, trị giá 315 nghìn USD, tăng 115,5% về lượng và tăng 205,8% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) của Guatemala trong tổng nhập khẩu của Australia chiếm 20,11% tổng lượng và chiếm 5,22% tổng kim ngạch trong 9 tháng đầu năm 2023.

Tương tự, Australia nhập khẩu mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) từ Chile đạt 149 tấn, trị giá 350 nghìn USD, tăng 344,3% về lượng và tăng 438,5% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) của Australia trong tổng nhập khẩu của Australia chiếm 7,07% tổng lượng và chiếm 5,81% tổng kim ngạch trong 9 tháng đầu năm 2023.

Ngược lại, Australia giảm nhập khẩu mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) từ các thị trường Trung Quốc, Mỹ, Ecuador ...

**Bảng 4: Nguồn cung mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) cho Australia trong 9 tháng đầu năm 2023**

| Thị trường      | 9 tháng năm 2023 |                        |                     | So với cùng kỳ năm ngoái (%) |             |            |
|-----------------|------------------|------------------------|---------------------|------------------------------|-------------|------------|
|                 | Lượng<br>(tấn)   | Trị giá<br>(nghìn USD) | Giá TB<br>(USD/tấn) | Lượng                        | Trị giá     | Giá TB     |
| <b>Tổng</b>     | <b>2.112</b>     | <b>6.029</b>           | <b>2.855</b>        | <b>18,3</b>                  | <b>21,8</b> | <b>2,9</b> |
| <i>Việt Nam</i> | <i>1.289</i>     | <i>4.427</i>           | <i>3.434</i>        | <i>40,4</i>                  | <i>42,3</i> | <i>1,3</i> |
| Guatemala       | 425              | 315                    | 742                 | 115,5                        | 205,8       | 41,9       |
| Chile           | 149              | 350                    | 2.345               | 344,3                        | 438,5       | 21,2       |

| Thị trường | 9 tháng năm 2023 |                        |                     | So với cùng kỳ năm ngoái (%) |         |        |
|------------|------------------|------------------------|---------------------|------------------------------|---------|--------|
|            | Lượng<br>(tấn)   | Trị giá<br>(nghìn USD) | Giá TB<br>(USD/tấn) | Lượng                        | Trị giá | Giá TB |
| Trung Quốc | 91               | 371                    | 4.091               | -19,0                        | -4,9    | 17,4   |
| Mỹ         | 67               | 363                    | 5.446               | -44,4                        | -48,8   | -7,9   |
| Êcuado     | 60               | 58                     | 967                 | -39,8                        | -29,3   | 17,6   |
| Nam Phi    | 22               | 23                     | 1.029               |                              |         |        |
| Hà Lan     | 3                | 22                     | 7.639               | -20,0                        | 46,7    | 83,3   |
| Malaysia   | 2                | 69                     | 30.914              |                              |         |        |
| Đài Loan   | 2                | 25                     | 13.312              | 25,2                         | 19,0    | -4,9   |
| Iran       | 1                | 3                      | 2.597               | -74,0                        | -78,6   | -17,6  |
| Thái Lan   | 1                | 2                      | 3.226               | -59,9                        | -66,7   | -16,9  |
| Ấn Độ      | 1                | 2                      | 4.000               | -97,2                        | -88,9   | 299,8  |

*Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế*

**Bảng 5: Thị phần mặt hàng có mã HS 081090 (bao gồm trái mít) của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Australia trong 9 tháng năm 2023**

| Thị trường      | Thị phần (%)  |               |               |               |
|-----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
|                 | 9 tháng 2023  |               | 9 tháng 2022  |               |
|                 | Lượng         | Trị giá       | Lượng         | Trị giá       |
| <b>Tổng</b>     | <b>100,00</b> | <b>100,00</b> | <b>100,00</b> | <b>100,00</b> |
| <i>Việt Nam</i> | <i>61,04</i>  | <i>73,43</i>  | <i>51,46</i>  | <i>62,87</i>  |
| Goatêmalà       | 20,11         | 5,22          | 11,04         | 2,08          |
| Chilê           | 7,07          | 5,81          | 1,88          | 1,31          |
| Trung Quốc      | 4,29          | 6,15          | 6,27          | 7,88          |
| Mỹ              | 3,16          | 6,02          | 6,72          | 14,32         |
| Êcuado          | 2,84          | 0,96          | 5,59          | 1,66          |
| Nam Phi         | 1,06          | 0,38          | 0,00          | 0,00          |
| Hà Lan          | 0,14          | 0,36          | 0,20          | 0,30          |
| Malaysia        | 0,11          | 1,14          | 0,00          | 0,00          |
| Đài Loan        | 0,09          | 0,41          | 0,08          | 0,42          |
| Iran            | 0,05          | 0,05          | 0,25          | 0,28          |
| Thái Lan        | 0,03          | 0,03          | 0,09          | 0,12          |

| Thị trường  | Thị phần (%) |         |              |         |
|-------------|--------------|---------|--------------|---------|
|             | 9 tháng 2023 |         | 9 tháng 2022 |         |
|             | Lượng        | Trị giá | Lượng        | Trị giá |
| Ấn Độ       | 0,02         | 0,03    | 1,01         | 0,36    |
| UAE         | 0,00         | 0,00    | 0,00         | 0,00    |
| Tây Ban Nha | 0,00         | 0,00    | 1,30         | 1,31    |
| Li Băng     | 0,00         | 0,00    | 0,06         | 0,04    |
| New Zealand | 0,00         | 0,00    | 1,67         | 3,45    |
| Philippin   | 0,00         | 0,00    | 10,16        | 2,85    |
| Xê-nê-gan   | 0,00         | 0,00    | 1,05         | 0,42    |
| Braxin      | 0,00         | 0,00    | 1,17         | 0,28    |

*Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế*

*(\*) Ghi chú: HS 081090 bao gồm trái mít tươi hoặc đông lạnh*

### **3.2 Dự báo xuất khẩu mít và sản phẩm chế biến từ mít của Việt Nam trong thời gian tới**

Mít là một trong những loại trái cây xuất khẩu chủ lực của nước ta. Với kết quả xuất khẩu tăng trưởng ở mức cao trong 10 tháng năm 2023, dự báo xuất khẩu trái mít và sản phẩm chế biến từ trái mít sẽ ghi nhận mức cao mới trong các năm tới. Bên cạnh đó, diện tích sản xuất cây mít theo hướng VietGap có xu hướng tăng, đáp ứng được tiêu chuẩn xuất khẩu sẽ giúp trái cây này tiêu thụ ổn định và bền vững.

Trung Quốc là thị trường xuất khẩu trái mít và sản phẩm chế biến từ trái mít lớn nhất của Việt Nam (tỷ trọng chiếm tới 94,34% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước). Mít xuất khẩu sang Trung Quốc được phân ra làm 3 loại: Mít loại 1 (từ 9 kg/quả trở lên), mít loại 2 (từ 6 – 8 kg/quả) và mít loại 3 (dưới 5 kg/quả). Do đó, việc Trung Quốc tăng mạnh nhập khẩu trái mít sẽ tác động tích cực lên hoạt động xuất khẩu mặt hàng này.

Mặc dù Trung Quốc cũng trồng mít như ở Việt Nam, với diện tích ước tính khoảng 180.000ha, tập trung nhiều ở Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Tứ Xuyên, Phúc Kiến

... Hầu hết mít được trồng ở Trung Quốc là mít ruột vàng và bán ở thị trường nội địa từ tháng 6 đến tháng 10. Tuy nhiên do đông dân, nhu cầu tiêu thụ lớn nên quốc gia này thường nhập khẩu mít tươi từ Thái Lan, Việt Nam.

Do đó, tiềm năng xuất khẩu trái mít của Việt Nam sang Trung Quốc còn rất lớn. Nhu cầu tiêu thụ trái mít của người dân Trung Quốc tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây.

Theo số liệu từ chợ bán buôn trái cây Gia Hưng Haiguangxing thuộc tỉnh Chiết Giang, gần Thượng Hải, lượng mít tại chợ có xu hướng tăng mạnh trong những năm gần đây. Do lượng mít nhập khẩu tăng, chợ Gia Hưng đã thành lập riêng một khu bán mít thuộc loại lớn nhất ở Trung Quốc. Tại chợ này, mít trong nước chỉ chiếm một phần nhỏ, còn chủ yếu là mít nhập khẩu từ Việt Nam và được đánh giá có chất lượng cao hơn mít trồng tại Trung Quốc.

Mít nhập khẩu từ Việt Nam vào Trung Quốc chủ yếu là giống mít Thái (mít Chanrai) ruột vàng và một số mít ruột đỏ. Bên cạnh đó, Trung Quốc còn nhập khẩu phần lớn để sơ chế, chế biến thành bột mít.

Gần đây, Trung Quốc tăng nhập khẩu mít ruột đỏ. Tuy nhiên, diện tích trồng loại này tại các tỉnh miền Tây còn thấp, tức nguồn cung ít khiến giá tăng cao.

Đáng chú ý, sau chuyến thăm Trung Quốc của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng vào đầu tháng 11/2022, hàng loạt nghị định thư xuất khẩu rau quả được ký kết có lợi cho Việt Nam. Trong đó, mít là trong những loại trái cây được hưởng lợi sớm nhất. Điều đó giúp trái mít Việt Nam ngày càng tiến sâu vào trong chuỗi tiêu thụ rau quả của Trung Quốc.

Đối với thị trường Liên minh châu Âu, Việt Nam có cơ hội gia tăng thị phần trái mít non tại thị trường tiềm năng này.

Hiện nay, tại một số quốc gia, mít non được biết đến là một trong những loại nguyên liệu được ưa chuộng để làm thịt thực vật. Theo đó, trái mít non có nhiều cơ hội tăng trưởng tại thị trường EU.

Trái mít non được bày bán rất nhiều và tiêu thụ tốt tại Bắc Âu vì xu hướng tiêu dùng của thị trường này là giảm các sản phẩm từ thịt động vật, tăng sản phẩm có nguồn gốc thực vật. Điều này cho thấy dù thị trường EU đã được các doanh nghiệp Việt Nam khai thác từ lâu nhưng dư địa tăng trưởng còn rất nhiều nếu nắm bắt được xu hướng.

Sau đại dịch Covid-19, nhu cầu đối với thịt thực vật tăng cao khiến các nhà sản xuất tích cực đa dạng hóa nguồn nguyên liệu cho sản phẩm, trong đó có nguồn nguyên liệu mít non. Bởi vì mít non có độ dai tương tự như thịt, đồng thời có khả năng hấp thụ gia vị tốt, có thể sử dụng trong chế biến thịt thực vật.

Về triển vọng xuất khẩu mít non, đây là một loại sản phẩm khác của mít có tiềm năng khai thác lớn. Tuy nhiên, các nước EU đang nâng cao tiêu chuẩn, hướng đến tiêu dùng xanh, tiêu dùng hữu cơ nên các doanh nghiệp xuất khẩu phải đầu tư bài bản, có thể tìm kiếm công nghệ từ đối tác EU để đáp ứng yêu cầu nhập khẩu.

Trong những năm gần đây, hàng nông sản Việt Nam vào thị trường EU gia tăng do Việt Nam được hưởng mức thuế quan ưu đãi từ Chương trình ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP), là cơ chế ưu đãi thuế áp dụng để hỗ trợ các nước đang và kém phát triển xuất khẩu hàng hóa sang EU.

Cùng với đó, Hiệp định EVFTA mới ký kết là bước tiến cho Việt Nam trong quá trình tham gia sâu rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao trình độ của lực lượng sản xuất và phân đấu tối đa hóa giá trị gia tăng nhận được. Đồng thời, doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam dễ dàng tiếp cận, tiến hành trao đổi mua bán với những thị trường khác có thỏa thuận thương mại tự do với EU, có thêm một nguồn nhập khẩu với giá cả hợp lý và chất lượng tốt hơn.

EVFTA được ký kết đã tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động trao đổi thương mại để hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang châu Âu, đáp ứng đúng các tiêu chuẩn chất lượng và an toàn mà thị trường này đòi hỏi. Những cam kết trong các lĩnh vực như phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ), các rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBTs), các biện pháp kiểm dịch động thực vật và vệ sinh an toàn thực phẩm (SPSS)... đã có những tác động nhất định tới hoạt động xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian vừa qua, được cho là sẽ có những tác động tích cực hơn, đem lại lợi ích đáng kể cho xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian tới.

*Đối với thị trường Australia*, Việt Nam còn nhiều tiềm năng để đẩy mạnh xuất khẩu mít đông lạnh và chế biến vào thị trường này.

Australia là quốc gia trồng mít, là ngành nông nghiệp có giá trị cao tại thị trường này. Do đó, Australia hiện vẫn chưa mở cửa thị trường đối với trái mít tươi. Dù vậy, việc Thương vụ Việt Nam tại Australia chủ động triển khai dùng thử và tìm phân khúc cho các sản phẩm cấp đông là một hướng đi để mở ra dư địa thị trường trong bối cảnh khó khăn hiện nay.

Thương vụ Việt Nam tại Australia sẽ tiếp tục triển khai các biện pháp xúc tiến cho sản phẩm mít Việt như: đưa mít vào hệ thống siêu thị, quảng bá trên mạng xã hội và các kênh của Thương vụ, triển lãm trực tuyến, tổ chức sự kiện dùng thử, khuyến mãi tặng thưởng có giá trị và phát hành sách điện tử quảng bá.

### **3.3 MỘT SỐ QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI TRÁI MÍT**

#### **3.3.1 QUY ĐỊNH CHUNG**

Căn cứ vào quy định hiện hành để áp mã HS vào mặt hàng trái cây mít tại thời điểm nhập khẩu. Dựa trên tài liệu kỹ thuật, catalogue, hoặc giám định tại cục Kiểm định Hải quan. Mã HS của trái mít là 08109050.

#### **Quy trình bảo quản và đóng gói khi xuất khẩu mít**

### ***Quy trình bảo quản để xuất khẩu mít***

Sau khi thu hoạch, cần có cách bảo quản mít ở nơi khô ráo, thoáng mát, không đặt trực tiếp xuống đất mà cần phải có bạt/bìa trải dưới. Quả mít có thể bảo quản được trong vòng 6 tuần ở nhiệt độ 11-13°C. Đối với kho bảo quản thì cần đủ điều kiện:

- Khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát
- Không có mùi lạ
- Không chứa hoá chất độc hại
- Không chứa chung với hàng hoá có mùi vị lạ

Trong trường hợp khoảng cách vận chuyển đến nơi tiêu thụ quá xa thì mít xuất khẩu cần được bảo quản ở kho mát, có chế độ làm lạnh nhân tạo. Đưa vào kho lạnh càng sớm càng tốt (tính theo thời gian sau thu hái).

Xuất khẩu mít thì phải đóng trong container lạnh ở nhiệt độ +5 đến +10°C, độ ẩm 50-60%, thông gió 25 mới có thể đảm bảo độ tươi ngon khi tới tay người nhận.

Khi chọn container để đóng hàng thì cần chọn loại container tốt, kín và kiểm tra hoạt động của máy lạnh có tốt không. Lưu ý các vạch hướng dẫn trong container để đảm bảo mít được bảo quản trong nhiệt độ, điều kiện tốt nhất.

### ***Về quy trình đóng gói mít xuất khẩu***

Cũng giống như quy trình bảo quản thì quy trình đóng gói mít xuất khẩu cũng phải được thực hiện kĩ càng để bảo vệ sản phẩm một cách thích hợp. Chất liệu sử dụng để đóng gói phải sạch, có chất lượng tốt nhằm giảm thiểu tối đa nguy cơ hư hại bên trong/ngoài sản phẩm.

Bên cạnh đó, cần phải lưu ý rằng các vật liệu, tem liên quan đến các yêu cầu thương mại phải sử dụng mực in, keo dán không độc hại cho sức khoẻ con người.

Quy trình đóng gói mít xuất khẩu chi tiết:

- Đầu tiên, sử dụng một tờ giấy mỏng bọc phần dưới của quả mít.
- Tiếp tục dùng 1 tấm bìa carton dày, quấn xung quanh thật khéo, sao cho bịt kín gần hết quả mít. Lưu ý chừa ra phần cuống để mít “thở”. Cố định miếng bìa bằng băng keo.
- Xếp mít vào sọt có lót lá, rơm ở đáy, lấp đầy xung quanh thành sọt. (lưu ý: xếp theo chiều quay cuống trái mít lên trên)

### ***Hồ sơ chứng từ cần thiết khi làm thủ tục xuất khẩu mít***

- Hợp đồng ngoại thương ( Sales Contract)
- Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice),
- Bảng kê chi tiết hàng hoá (Packing List),
- Các chứng từ khác: Với mặt hàng là mít thì cần có : Giấy chứng nhận xuất xứ (CO – Certificate of Origin) để hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu; giấy kiểm dịch thực vật (Phytosanitary Certificate)

Xuất khẩu nông sản nói chung và xuất khẩu mít nói riêng luôn được nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp. Điều quan trọng nhất là các doanh nghiệp phải đáp ứng được nhu cầu, yêu cầu của khách hàng. Mỗi thị trường lại có một tiêu chuẩn riêng về chất lượng, đóng gói, hàm lượng dinh dưỡng,... nên các doanh nghiệp cũng cần chuẩn bị kỹ càng để mít xuất khẩu ra nước ngoài một cách thuận lợi nhất. Có như vậy mới đảm bảo được lượng tiêu thụ, ổn định giá và có thể hướng tới những thị trường khó tính, yêu cầu cao hơn trong tương lai.

### **Thủ tục xuất khẩu mít đi nước ngoài**

Một bộ chứng từ xuất khẩu quả mít bao gồm:

- Mẫu hóa đơn thương mại, trong tiếng Anh gọi là Commercial Invoice.
- Mẫu hợp đồng ngoại thương, trong tiếng Anh gọi là Sales Contract.

- Mẫu bản kê khai hàng hóa chi tiết hay còn gọi là Packing list.
- Một số giấy tờ chứng từ khác do nhà nhập khẩu yêu cầu gồm: Mẫu giấy chứng nhận xuất xứ, mẫu giấy kiểm dịch thực vật.

### **Quy trình kiểm dịch hàng Mít xuất khẩu**

Bước 1: Tiến hành đăng ký tài khoản để làm kiểm dịch thực vật

Khách hàng cần đến phòng đăng ký tài khoản của Chi cục Kiểm dịch Thực vật vùng để đăng ký. Tại đây, khách hàng sẽ được phát 2 mẫu giấy gồm:

- Mẫu giấy đăng ký kiểm dịch thực vật.
- Mẫu phiếu đăng ký tài khoản.

Bước 2: Triển khai đăng ký đơn hàng mít cần kiểm dịch

Mẫu hồ sơ đăng ký gồm có:

- Mẫu giấy đăng ký kiểm dịch thực vật.
- Mẫu hợp đồng mua bán hàng hóa.
- Mẫu giấy ủy quyền từ chủ hàng.

Bước 3: Triển khai làm thủ tục kiểm tra lô hàng cần kiểm dịch thực vật

Phụ thuộc vào loại hàng hóa, yêu cầu từ nước nhập khẩu, cơ quan kiểm dịch sẽ kiểm tra trái cây mít xuất khẩu thực tế tại kho hoặc cảng hoặc sân bay. Tại bước này, nhân viên kiểm dịch sẽ kiểm tra lấy mẫu, sau đó xác định trái cây mít có đủ điều kiện xuất khẩu không?

Bước 4: Tiến hành kê khai điện tử

Đến bước này, khách hàng sẽ tiến hành kê khai thông tin lô hàng tại website Chi cục Kiểm dịch vùng. Trong khoảng 4h khách hàng sẽ nhận được phản hồi.

Bước 5: Nộp hồ sơ

Sau khi có bản nháp được cơ quan Kiểm dịch gửi, bạn hãy kiểm tra và xác nhập với shipper. Sau đó, bạn mang hồ sơ hoàn chỉnh đến cơ quan Kiểm dịch Thực vật để nộp trực tiếp.

#### Bước 6: Tiếp nhận hồ sơ hợp lệ

Cơ quan Kiểm dịch Thực vật sẽ tiến hành kiểm tra bộ hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ, sẽ cấp chứng từ gốc đối với khách hàng trong vòng 24h. Ngược lại, nếu hồ sơ không hợp lệ sẽ được yêu cầu bổ sung và hoàn thiện.

### **3.3.2 QUY ĐỊNH CỦA THỊ TRƯỜNG AUSTRALIA ĐỐI VỚI TRÁI MÍT ĐÔNG LẠNH**

Điều kiện nhập khẩu xác định các yêu cầu an toàn sinh học phải được đáp ứng để nhập khẩu hàng hóa vào lãnh thổ Australia. Dưới đây là các điều kiện nhập khẩu đối với trái cây, rau và thảo mộc đông lạnh dùng cho người – gồm Mít đông lạnh (trừ chuối) dùng cho con người, cụ thể như sau:

a. Bộ Nông nghiệp, Nguồn nước và Môi trường Australia không yêu cầu phải có giấy phép nhập khẩu đối với mặt hàng này.

b. Mỗi công hàng phải được xác minh là đã trải qua quy trình cấp đông thích hợp. Quá trình cấp đông này bao gồm cả khâu chuẩn bị, đóng gói và bảo quản.

Để chứng minh sự tuân thủ đối với yêu cầu này, trên các giấy tờ sau: Tờ khai cấp đông/Freezing declaration, Danh sách đóng gói/Packing list, Tờ khai của nhà cung cấp/Supplier's declaration, Tờ khai của nhà xuất khẩu/Exporter's declaration, Giấy chứng nhận xuất khẩu/Export Certificate, Hóa đơn thương mại/Commercial Invoice, Giấy chứng nhận người thụ hưởng/Beneficiary certificate hoặc Tờ khai của Nhà sản xuất/Manufacturer's declaration phải ghi rõ các thông tin sau:

(1) Nước xuất xứ

(2) Tên khoa học

(3) Thông tin đóng gói

(4) Thông tin về quá trình xử lý;

(5) Giấy cam kết về việc đóng băng cứng;

(6) Giấy cam kết về việc sản phẩm đã được duy trì liên tục ở nhiệt độ  $-18^{\circ}\text{C}$  (âm mười tám độ C) hoặc thấp hơn trong thời gian ít nhất 7 ngày.

**Lưu ý:** Quá trình đóng băng chỉ bắt đầu được tính khi nhiệt độ đạt  $-18^{\circ}\text{C}$  và phải duy trì ở nhiệt độ này trong 7 ngày liên tục

c. Hàng hóa phải được chuẩn bị ở quy mô thương mại và đóng gói sạch sẽ, sử dụng bao bì mới.

d. Hàng hóa phải đảm bảo sạch sẽ và không lẫn các hạt, dầu, xác động vật, mảnh thực vật và các vật liệu có rủi ro an toàn sinh học trước khi tới Australia.

e. Hàng hóa khi tới Australia phải ở dạng đông lạnh.

f. Hàng hóa đáp ứng được các điều kiện trên có thể được thông quan mà không cần phải qua kiểm tra. Hàng hóa có thể bị kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá tình trạng đông lạnh của hàng hóa hoặc kiểm tra các điểm chưa được thể hiện trên hóa đơn.

g. Theo Quy định về áp dụng các loại phí an toàn sinh học (chung) 2016 và Chương 9, Phần 2 của Quy định an toàn sinh học 2016, tất cả các phí dịch vụ được trả cho Bộ Nông nghiệp, Nguồn nước và Môi trường Australia.

h. Ngoài các yêu cầu đối với hàng hóa được nhập khẩu, các yêu cầu đối với yếu tố phi hàng hóa của hàng hóa nhập khẩu cũng được áp dụng, bao gồm độ sạch của container, bao bì và các điểm đến. Những yếu tố phi hàng hóa nhập khẩu này có thể bị kiểm tra và xử lý khi hàng đến.

i. Sau khi các yêu cầu về an toàn sinh học đã được đáp ứng, nhà nhập khẩu có trách nhiệm tuân thủ Bộ luật Kiểm soát Thực phẩm Nhập khẩu năm 1992 và đảm bảo thực

phẩm nhập khẩu là an toàn và tuân thủ các tiêu chuẩn của Australia bao gồm Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Australia – New Zealand. Các lô hàng thực phẩm có thể được đưa đi kiểm tra và phân tích theo Chương trình Kiểm tra Thực phẩm Nhập khẩu để xác minh tính an toàn và đáp ứng các quy định.

### **3.3.3 QUY ĐỊNH CỦA THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI TRÁI MÍT TƯƠI**

#### **3.3.3.1 CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI MÍT CỦA TRUNG QUỐC**

##### **a) Chính sách về thuế nhập khẩu**

Thực hiện lộ trình giảm thuế trong Hiệp định mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA), hiện nay Trung Quốc áp dụng mức thuế nhập khẩu là 0% đối với trái cây tươi nhập khẩu từ Việt Nam đáp ứng quy tắc xuất xứ thuần túy (WO). Trường hợp mít không đáp ứng quy tắc xuất xứ thì thuế suất là 20% (theo MFN). Ngoài thuế nhập khẩu, trái cây tươi chịu thuế VAT là 11% nộp khi thông quan ở cửa khẩu nhập khẩu. Thuế VAT được tính trên cơ sở giá nhập khẩu đã bao gồm thuế nhập khẩu.

Chính sách khuyến khích biên mậu được Trung Quốc thực hiện và chỉ cho phép một số doanh nghiệp thuộc tỉnh biên giới được nhập khẩu theo hình thức biên mậu theo kế hoạch cụ thể, thực chất là theo hạn ngạch nhất định:

- Tại cặp cửa khẩu Tân Thanh - Pò Chài (Quảng Tây), mít nhập khẩu từ Việt Nam theo hình thức biên mậu được áp dụng thuế nhập khẩu là 0% và miễn giảm 50% thuế VAT.

- Tại cặp cửa khẩu quốc tế Lào Cai - Hà Khẩu (Vân Nam), mít Việt Nam qua cửa khẩu với hình thức biên mậu được áp dụng mức thuế nhập khẩu 0%, thuế VAT là 3%.

Cư dân biên giới Trung Quốc được mua hàng miễn thuế nhập khẩu, thuế VAT với mức 8.000 Nhân dân tệ/người/ngày (khoảng 28 triệu VNĐ) và số hàng này người dân được quyền bán lại cho doanh nghiệp.

## **b) Quy định về đóng gói, nhãn mác và bao bì**

*Đóng gói:* Trên bao bì (thùng, kiện) phải dùng tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Anh; thông tin ghi rõ tên loại hoa quả; nơi sản xuất, nơi đóng gói hoặc số mã hiệu/mã code, in sẵn tem nhãn truy xuất nguồn gốc. Tất cả các bao bì phải ghi chữ “Để xuất khẩu đi Trung Quốc” bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh. Đóng gói đáp ứng quy định nhập khẩu trong đó bao bì, vật liệu bao gói bằng gỗ được xử lý theo đúng tiêu chuẩn ISPM 15

*Tem mác:* tem nhãn truy xuất nguồn gốc có thể dán lên trái cây/dán/in bên ngoài thùng/hộp đóng gói; thông tin tem nhãn truy xuất nguồn gốc rõ ràng, dễ hiểu, ngôn ngữ sử dụng là tiếng Trung hoặc tiếng Anh. Nội dung của tem mác bao gồm: tên tổ chức xuất khẩu, chủng loại hoa quả, tên nhà vườn hoặc số đăng ký; tên xưởng đóng gói hoặc số đăng ký.

Bao bì: yêu cầu dùng giấy dai Kraft để bọc hoặc dùng bao bì là thùng giấy có in thông tin truy xuất nguồn gốc (đều phải in mã và thông tin truy xuất nguồn gốc).

## **c) Quy định về cửa khẩu nhập khẩu:**

Theo quy định của Trung Quốc, do cửa khẩu nhập khẩu cần có đủ năng lực về khu vực kho bãi, phương tiện và thiết bị bảo quản nhằm đáp ứng các yêu cầu về kiểm dịch thực vật, vì vậy Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ tiến hành chỉ định cửa khẩu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với mặt hàng trái cây. Theo đó, các cửa khẩu chỉ định nhập khẩu trái cây từ Việt Nam bao gồm:

• **Tại Quảng Tây:** Hiện có 07 cửa khẩu được cho phép nhập khẩu trái cây gồm:

- Cửa khẩu Bằng Tường – Hữu Nghị (Lạng Sơn);
- Cửa khẩu Tân Thanh (Lạng Sơn) - Pò Chải (Quảng Tây)
- Cửa khẩu sân bay quốc tế Lưỡng Giang (Quế Lâm)
- Cửa khẩu Phòng Thành – Hoàn Mô (Quảng Ninh);

- Khu cảng bảo thuế Khâm Châu;
- Cửa khẩu Đông Hưng – Móng Cái (Quảng Ninh);
- Cửa khẩu Long Bang – Trà Lĩnh (Cao Bằng).

Trong đó, Khu thí điểm kiểm nghiệm thương mại biên giới Trung Quốc – ASEAN tại Bằng Tường là cửa khẩu nhập lượng lớn trái cây của Việt Nam.

• **Tại Vân Nam:** Hiện có 06 cửa khẩu được cho phép nhập khẩu trái cây gồm:

- Cửa khẩu quốc tế Hà Khẩu (Vân Nam) – Lào Cai (Lào Cai);
- Cửa khẩu sân bay quốc tế Trường Thủy;
- Cửa khẩu quốc tế Thụy Lệ;
- Cửa khẩu quốc tế Đại Lạc;
- Cửa khẩu quốc tế Mohan;
- Cửa khẩu quốc tế Quan Lũy

Trong đó, cửa khẩu quốc tế Hà Khẩu có lượng lưu thông giao thương lớn nhất.

Bên cạnh đó, Trung Quốc còn áp dụng các biện pháp và quy định về kiểm dịch thực vật, truy xuất nguồn gốc xuất xứ đối với chuỗi tươi nhập khẩu

### **3.3.3.2 CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÁC BIỆN PHÁP VỆ SINH, KIỂM DỊCH THỰC VẬT, CÁC CHỨNG CHỈ CẦN THIẾT KHI XUẤT KHẨU MÍT TỪ VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC**

#### **Chứng nhận hàng hóa**

##### **a) Kiểm dịch thực vật**

Hiện nay, mít là một trong số 9 mặt hàng trái cây của Việt Nam được phép nhập khẩu vào Trung Quốc. Do nằm trong nhóm các mặt hàng trao đổi/ giao thương truyền

thống giữa hai nước, để được nhập khẩu vào Trung Quốc, các lô hàng mít phải đáp ứng các yêu cầu về kiểm dịch thực vật như sau:

- Mít phải được thu hoạch và đóng gói tại những vườn trồng và cơ sở đóng gói đã được cấp mã số<sup>3</sup>;
- Không đóng lẫn hoặc chứa các loại trái cây khác.
- Lô hàng mít phải được cơ quan kiểm dịch thực vật của Việt Nam kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu;
- Không bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật của Trung Quốc, không bị nhiễm các loại côn trùng gây hại còn sống<sup>4</sup>;
- Không mang theo đất; đóng gói đáp ứng quy định nhập khẩu trong đó bao bì, vật liệu bao gói bằng gỗ được xử lý theo đúng tiêu chuẩn ISPM 15.

### **b) An toàn thực phẩm**

Ngày 15/8/2019, Ủy ban y tế quốc gia Trung Quốc, Bộ Nông nghiệp và các vấn đề nông thôn và Cục Quản lý nhà nước về quản lý thị trường đã ban hành Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia - Giới hạn dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm (GB 2763-2019). Tiêu chuẩn này áp dụng từ ngày 15/02/2020.

Cho đến thời điểm hiện nay, theo tiêu chuẩn GB 2763-2019, chưa có qui định về mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (MRL) đối với quả mít tươi nhập khẩu. Tuy nhiên, trong quá trình giao dịch thương mại, bên bán và bên mua có thể thỏa thuận quy định về mức MRL trên hàng hóa<sup>5</sup>.

### **c) Truy xuất nguồn gốc**

Từ ngày 01/01/2019, Tổng cục hải quan Trung Quốc chính thức áp dụng truy xuất nguồn gốc đối với vùng trồng và cơ sở đóng gói hoa quả tươi nhập khẩu từ Việt Nam.

Các mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói này do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam (Cục Bảo vệ Thực vật - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cấp và gửi cho Tổng cục hải quan Trung Quốc<sup>6</sup>. Trên cơ sở danh sách do phía Việt Nam cung cấp, Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ rà soát và chính thức xác nhận mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói đối với hoa quả của Việt Nam được phép xuất khẩu sang Trung Quốc.

#### **d) Cấp mã vùng trồng**

Để được cấp mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói mít xuất khẩu sang Trung Quốc, doanh nghiệp/người nông dân cần khai báo thông tin theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo công văn số 3906/BNB-BVTV ngày 23/05/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và gửi cho Sở Nông nghiệp/Chi cục Bảo vệ và Trồng trọt tại địa phương xác nhận.

Tính đến tháng 7/2020, Cục Bảo vệ thực vật đã cấp mã số cho 173 vườn trồng mít với diện tích hơn 18.165 ha.

#### **Bảo quản và đóng gói**

##### **a) Bảo quản**

Sau khi thu hoạch cần bảo quản mít ở nơi thoáng, không để tiếp xúc trực tiếp xuống đất. Mít có thể bảo quản được khoảng 6 tuần ở nhiệt độ 11-13°C. Kho bảo quản mít tươi xuất khẩu phải khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, không có mùi lạ ảnh hưởng đến chất lượng quả. Kho không được chứa hóa chất độc hại, hay hàng hóa có mùi vị lạ với mít tươi xuất khẩu. Nếu khoảng cách vận chuyển đến nơi tiêu thụ xa thì mít tươi xuất khẩu nên được đưa vào kho mát có làm lạnh nhân tạo, sau khi thu hái càng sớm càng tốt.

Mít đóng trong container lạnh ở nhiệt độ +5 đến +10°C, độ ẩm 50-60%, thông gió 25 khi vận chuyển đi.

##### **b) Đóng gói**

Mít quả tươi phải được bao gói để bảo vệ sản phẩm một cách thích hợp. Vật liệu được sử dụng bên trong bao gói phải sạch và có chất lượng tốt để tránh được mọi nguy cơ hư hại bên trong hoặc bên ngoài sản phẩm. Cho phép sử dụng vật liệu giấy hoặc tem liên quan đến các yêu cầu thương mại miễn là việc in nhãn hoặc dán nhãn phải sử dụng mực in hoặc keo dán không độc.

Mít quả tươi cần được đóng gói trong mỗi bao bì phù hợp với TCVN 9770 (CAC/RCP 44) Quy phạm thực hành bao gói và vận chuyển rau, quả tươi. Mít xuất khẩu thường được đóng thùng carton hoặc đóng rời và đóng vào container lạnh loại 40feet đảm bảo một số tiêu chí như sau:

- Thùng carton khô, sạch. Đảm bảo chất lượng tốt, không bị mốc mọt, không có mùi lạ gây ảnh hưởng đến chất lượng mít.

- Thùng carton phải có tính chịu lực tốt. Ngoài ra có kết cấu vững chắc để khi xếp chồng có thể bảo vệ mít tươi bên trong.

- Thành thùng carton đựng mít phải được đục lỗ, đảm bảo thông gió tốt.

Xếp mít thành từng lớp vào sọt có lót lá hoặc rơm dưới đáy hoặc xung quanh thành.

Khi xếp cần quay cuống trái lên phía trên.

Ngoài ra, tất cả các loại trái cây nhập khẩu sang Trung Quốc phải đăng ký mẫu tem truy xuất nguồn gốc tại cơ quan hải quan của Trung Quốc và dán tem nhãn này trên bao bì.

Theo đó, cơ quan hải quan Trung Quốc sẽ kiểm tra nhãn cũng như vấn đề an toàn vệ sinh với thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu. nhà nhập khẩu phải chịu trách nhiệm đảm bảo nhãn mác bằng tiếng Trung Quốc trên bao bì của thực phẩm đóng gói sẵn phải phù hợp với quy định pháp luật liên quan của Trung Quốc, phù hợp với quy định hành chính và yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Trường hợp cơ quan hải quan thực hiện thẩm tra mà không đáp ứng tiêu chuẩn sẽ không được nhập khẩu.

## **Lựa chọn phương tiện vận tải**

Trong quá trình thực hiện hợp đồng xuất khẩu hàng hoá, việc lựa chọn và thuê phương tiện vận tải dựa vào căn cứ sau đây:

- Dựa vào những điều khoản của hợp đồng xuất khẩu hàng hoá: do hai bên tự thỏa thuận hoặc theo điều kiện cơ sở giao hàng, bên có trách nhiệm sẽ lựa chọn phương thức vận tải phù hợp.

- Dựa vào đặc điểm hàng hoá xuất khẩu: hàng nhẹ cân hay hàng nặng cân, hàng cho phép vận chuyển dài ngày (ví dụ Thanh Long) hay ngắn ngày (ví dụ Xoài), điều kiện bảo quản đơn giản hay phức tạp...

- Dựa vào yêu cầu vận chuyển: vận chuyển trên tuyến đường bình thường hay tuyến hàng đặc biệt, vận tải một chiều hay vận tải hai chiều, chuyên chở theo chuyến hay chuyên chở liên tục.

Từ những cơ sở đó, doanh nghiệp xuất khẩu có thể lựa chọn phương tiện vận tải phù hợp và tối ưu chi phí vận chuyển để có thuê phương tiện đường bộ, đường biển, hay đường hàng không.

**Cụ thể với mặt hàng quả mít tươi:** Phương tiện vận chuyển mít cần có vùng bảo quản lạnh hoặc thông gió và trong quá trình vận tải, phương tiện vận tải cần điều chỉnh một số yếu tố để bảo quản mít ở điều kiện tốt nhất như:

- Nhiệt độ trung bình trong container vận chuyển mít đạt khoảng  $3^{\circ}\text{C}$  -  $5^{\circ}\text{C}$  để giữ được mít không bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển. Nếu nhiệt độ mùa đông thực tế là từ  $10^{\circ}\text{C}$  -  $15^{\circ}\text{C}$ , nhiệt độ của mít phải được hạ đi  $7^{\circ}\text{C}$  -  $10^{\circ}\text{C}$ .

- Độ ẩm tương đối (bề mặt của giàn lạnh bằng không khí) cần được thiết kế sao cho độ ẩm tương đối đạt được từ 85% - 90% mà ở điểm lạnh này lượng không khí cung cấp của giàn lạnh ổn định khi kết thúc quá trình làm lạnh mít.

- Lưu thông không khí: Trong suốt quá trình bảo quản, hệ số lưu thông không khí có thể giảm xuống một nửa sau khi kết thúc thời gian làm lạnh. Tốc độ thay đổi không khí được khuyến cáo là thay đổi một lần trong một giờ.

Ngoài ra, quá trình bảo quản, hệ số lưu thông không khí có thể giảm xuống một nửa sau khi kết thúc thời gian làm lạnh. Tốc độ thay đổi không khí được duy trì ở giá trị được chấp nhận. Điều này đạt được bằng cách đưa tới nhiệt độ bảo quản tới hạn (nhiệt độ gây ra hư hại mít do lạnh) với một giới hạn an toàn đủ để tính được những dao động không thể tránh khỏi do thiết bị làm lạnh và các hoạt động của thiết bị gây ra (+ 0,2°C đến + 0,5°C đối với thiết bị làm lạnh sử dụng nước muối; từ +0,5°C đến +0,7°C đối với làm lạnh trực tiếp).

Về ký hợp đồng với bên vận chuyển: Hợp đồng vận chuyển hàng hóa cần ghi lại toàn bộ thông tin, quá trình thỏa thuận của các bên tham gia vận chuyển bao gồm thông tin của các bên tham gia hợp đồng, đặc điểm hàng hóa, giá trị hàng hóa, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng, các phương án giải quyết tranh chấp.

### **Giao hàng cho vận tải**

Việc xuất khẩu mít của Việt Nam sang Trung Quốc chủ yếu qua đường bộ, gửi hàng bằng ô tô hoặc container. Việc thuê phương tiện vận tải có thể do bên bán (đơn vị xuất khẩu) hoặc bên mua (đơn vị nhập khẩu) tiến hành.

Bên bán (đơn vị xuất khẩu) sẽ phải tiến hành thuê phương tiện vận tải nếu hợp đồng xuất khẩu quy định bên bán thuê phương tiện để chở hàng. Phương thức này được thực hiện trong điều kiện cơ sở giao hàng của hợp đồng xuất khẩu là CPT (Carriage Paid To - Cước phí trả tới), CIP (Carriage and Insurance Paid - Cước phí và phí bảo hiểm trả tới), DAT (Delivered at Terminal - Giao tại bến), DAP (Delivered At Place - Giao tại nơi đến), DDP (Delivered Duty Paid - Giao hàng đã nộp thuế).

Bên mua (đơn vị nhập khẩu) sẽ phải tiến hành thuê phương tiện vận tải chuyên chở về nước nếu hợp đồng xuất khẩu quy định giao hàng tại quốc gia bên xuất khẩu. Phương thức này được thực hiện trong điều kiện cơ sở giao hàng của hợp đồng xuất khẩu là EXW (EX Works - Giao tại xưởng), FCA (Free Carrier - Giao cho người chuyên chở).

### **Quy định về xuất xứ hàng hóa (ROO và C/O)**

Căn cứ theo Thông tư số 12-2019/TT-BCT ngày 30 tháng 07 năm 2019 quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định ACFTA, mặt hàng mít của Việt Nam cần đáp ứng quy tắc xuất xứ thuần túy Wholly Obtained - WO để có thể được hưởng mức thuế ưu đãi thuế 0% khi xuất khẩu vào Trung Quốc.

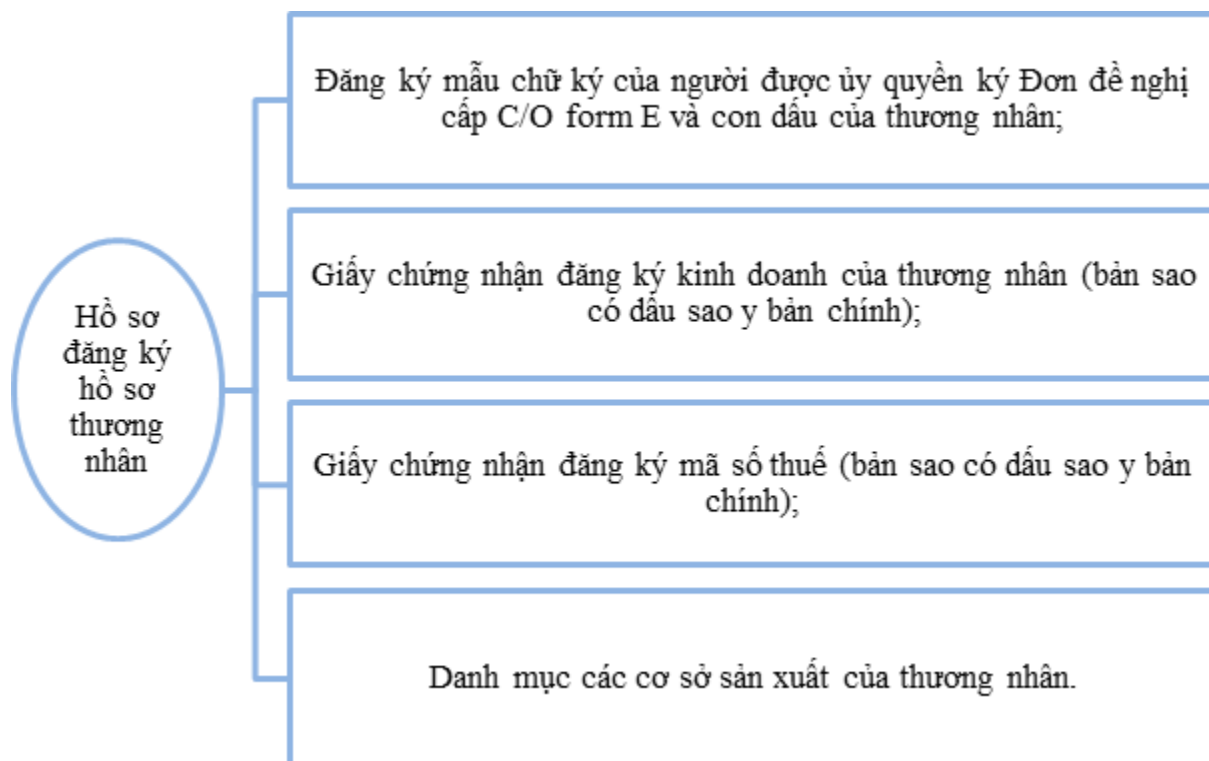
Doanh nghiệp xuất khẩu cần xin Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O form E theo ACFTA. Tại Việt Nam, đơn vị cấp C/O form E là Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công thương. Thủ tục cấp C/O form E mít xuất khẩu được quy định cụ thể như sau:

#### **Bước 1. Đăng ký hồ sơ thương nhân:**

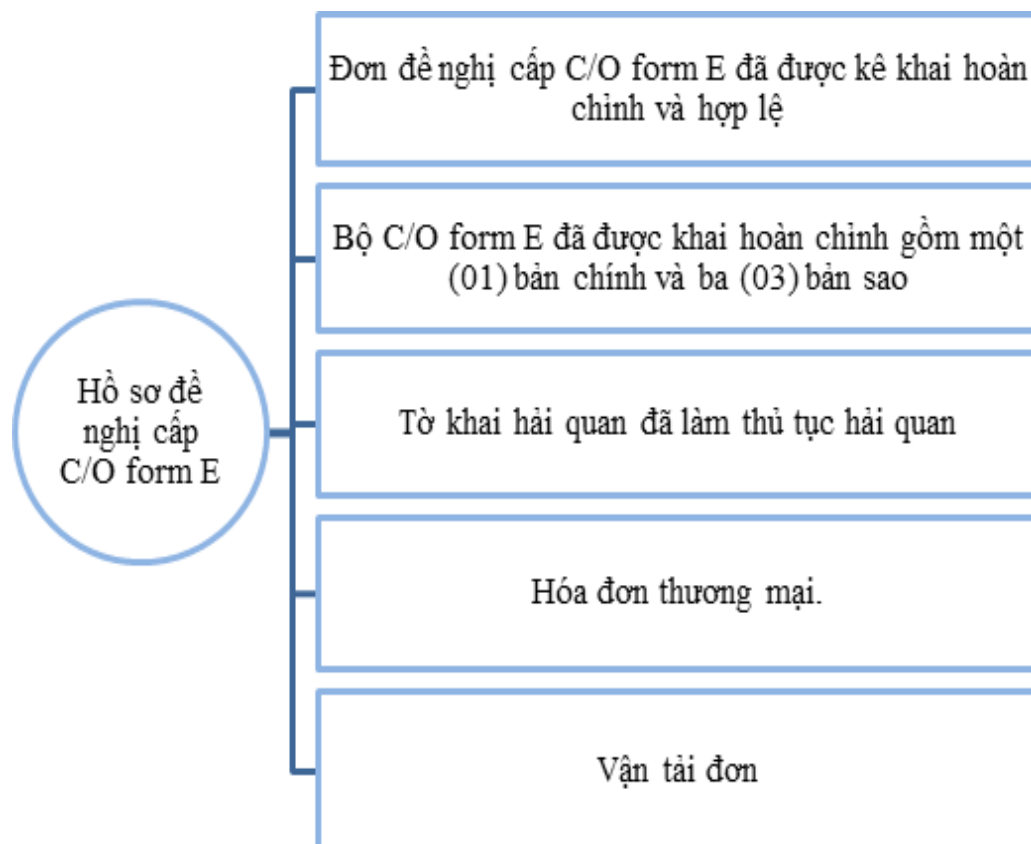
Người đề nghị cấp C/O chỉ được xem xét cấp C/O form E tại nơi đã đăng ký hồ sơ thương nhân sau khi đã hoàn thành thủ tục đăng ký Hồ sơ thương nhân.

Nếu xét thấy cần thiết, Tổ chức cấp C/O có thể yêu cầu người đề nghị cấp C/O cung cấp thêm các chứng từ liên quan đến sản phẩm xuất khẩu như Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên phụ liệu; Giấy phép xuất khẩu; Hợp đồng mua bán; Hóa đơn giá trị gia tăng mua bán nguyên phụ liệu trong nước; mẫu nguyên phụ liệu hoặc sản phẩm xuất khẩu và các chứng từ khác để chứng minh xuất xứ của sản phẩm xuất khẩu.

Thương nhân đề nghị cấp C/O khai báo hồ sơ đề nghị cấp C/O theo biểu mẫu điện tử sẵn có trên Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ [www.ecosys.gov.vn](http://www.ecosys.gov.vn) hoặc trang điện tử khác của các cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa được Bộ Công Thương ủy quyền.



## Bước 2. Đề nghị cấp C/O form E:



## **Các quy định khác**

### ***Trao đổi hàng hóa cư dân biên giới***

#### ***Về phía Việt Nam:***

Nghị định 14/2018/NĐ-CP quy định về hàng hóa của cư dân biên giới là hàng hóa được sản xuất tại Việt Nam hoặc nước có chung biên giới do cư dân biên giới mua bán, trao đổi ở khu vực biên giới hai nước để phục vụ các nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của cư dân biên giới.

Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới không phải kiểm tra, kiểm soát về chất lượng và an toàn thực phẩm trừ trường hợp hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới khi mua gom với số lượng lớn. Đồng thời không phải thực hiện kiểm dịch y tế, trừ trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thông báo có dịch bệnh truyền nhiễm, nguy cơ dịch bệnh truyền nhiễm xảy ra thì phải kiểm dịch y tế.

#### ***Về phía Trung Quốc:***

Cư dân biên giới sống trong phạm vi 20km tính từ biên giới đất liền của Trung Quốc được tiến hành trao đổi hàng hóa theo quy định và không vượt quá số tiền 8000 NDT/ngày.

Khi cư dân khu vực biên giới mang theo hàng hoá ra vào khu vực thương mại (điểm) trao đổi hàng hoá của cư dân biên giới, cảng biên giới thì phải kê khai đúng chủng loại, số lượng, trị giá của hàng hoá đó và phải chịu sự giám sát, điều hành, kiểm tra của cơ quan Hải quan.

### ***Trao đổi tiểu ngạch biên giới***

Là hoạt động thương mại tại các cửa khẩu biên giới trên đất liền được chính phủ Trung Quốc công nhận giữa các doanh nghiệp khu vực biên giới được phép kinh doanh thương mại tiểu ngạch với doanh nghiệp biên giới hoặc các tổ chức thương mại khác của nước láng giềng. Nếu xuất khẩu trái cây sang Trung Quốc theo hình thức này, hiện Chính phủ Trung Quốc quy định thông quan như thương mại chính ngạch.

Từ tháng 5/2018 đến nay, Trung Quốc siết chặt nhập khẩu tiểu ngạch để bảo đảm thực thi nghiêm các quy định của nước này về kiểm nghiệm, kiểm dịch, truy xuất nguồn gốc, bao bì.

